

**\ TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1232/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Kim Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Hương

2/ Bà Nguyễn Thị Lượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:**

Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 810/2020/TLST–HNGĐ ngày 18/8/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1703/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Vũ Lan A, sinh năm: 1971

Hộ khẩu thường trú: đường số 4, tổ 29, khu phố 3, phường LT, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: đường 36, khu phố A, phường LĐ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Ông Bùi Hữu T, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: 57 đường 36, khu phố 8, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Vũ Lan A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01, số 144 do UBND thị trấn Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/7/1992. Sau kết hôn vợ chồng sống tự lập, ban đầu cuộc sống vợ chồng tạm ổn nhưng do quan điểm sống khác nhau và khác biệt về môi trường văn

hóa, giáo dục nên cuộc sống chung dần dần có nhiều mâu thuẫn và khoảng cách nên không còn sự quan tâm, chia sẻ. Hiện tại tuy sống chung nhà nhưng thực tế vợ chồng sống ly thân đã 4 năm, tuy đã cố gắng duy trì gia đình nhưng không tìm được tiếng nói chung, nếu kéo dài hôn nhân thì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý con nên bà yêu cầu ly hôn với ông Bùi Hữu T.

- Về con chung: Có 02 con chung

01/ Bùi Tiến H (Nam), sinh ngày: 15/3/1997 – đã trưởng thành

02/ Bùi Đức H (Nam), sinh ngày: 31/7/2001 – đã trưởng thành

- Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Xác định không có.

\* Đối với bị đơn ông Bùi Hữu T: Căn cứ theo kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức thì: Đương sự Bùi Hữu T, sinh năm: 1970 có đăng ký thường trú tại địa chỉ: 57 đường 36, khu phố 8, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh và thực tế đang cư trú tại địa chỉ trên.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Bùi Hữu T, về con chung có 02 con chung tên Bùi Tiến H(Nam), sinh ngày: 15/3/1997 nhưng đã chết năm 2020 theo trích lục khai tử số 471/TLKT-BS ngày 22/9/2020; Bùi Đức H(Nam), sinh ngày: 31/7/2001 – đã trưởng thành, về tài sản chung bà xác định tự thỏa thuận, về nợ chung bà tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Tòa án, tại phiên tòa bà không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác, các thủ tục về việc giao nhận tài liệu, chứng cứ cho bị đơn, nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Bùi Hữu T đã được tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án chưa đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## 1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức thì bị đơn ông Bùi Hữu T hiện đang thực tế cư trú tại: 57 đường 36, khu phố 8, phường Linh Đông, quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn ông Bùi Hữu T đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

## 2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Lan A và ông Bùi Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn quyền số 01, số 144 do UBND thị trấn Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/7/1992. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

- Nhận thấy, theo trình bày đương sự tại bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà Vũ Lan A và ông Bùi Hữu T tự nguyện kết hôn, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do do bất đồng, khác biệt về quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn và không có tiếng nói chung, và không còn sự quan tâm với nhau, không còn khả năng hàn gắn gia đình nên bà yêu cầu ly hôn với ông ông Bùi Hữu T. Tại phiên tòa, bà Vũ Lan A xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Thọ, bà kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Thọ và xác nhận hiện tại vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn sự quan tâm cho nhau nữa, bản thân ông Thọ cũng biết việc bà yêu cầu ly hôn nhưng không hợp tác giải quyết. Trước khi quyết định ly hôn với ông Thọ thì bà đã cố gắng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân nhưng không thể duy trì cùng nhau, không có hạnh phúc nên bà mới quyết tâm ly hôn.

Đối với bị đơn, theo kết quả xác minh thì ông ông Bùi Hữu T thực tế đang cư trú tại địa chỉ: 57 đường 36, khu phố 8, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh nhưng Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục hợp lệ để ông tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông Thọ vắng mặt không có lý do. Do ông Thọ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án tiến hành hoãn phiên tòa theo thủ tục pháp luật quy định và tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 02 nhưng ông Thọ vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này cho thấy ông Bùi Hữu T cũng không còn sự quan tâm, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà Vũ Lan A.

Xét, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, có tình nghĩa vợ chồng nhưng theo những gì bà Vũ Lan A trình bày cho thấy quan hệ hôn nhân của ông, bà hiện tại đã lâm vào tình trạng nghiêm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung: Căn cứ lời trình bày, tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, căn cứ bản sao y giấy khai sinh số 05, quyển 01/97 do Ủy ban nhân dân phường Linh Tây cấp ngày 08/4/1997; giấy khai sinh số 208, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường Linh Tây cấp ngày 03/10/2009 có cơ sở xác định con tên Bùi Tiến H(Nam), sinh ngày: 15/3/1997 – chết năm 2020; Bùi Đức H(Nam), sinh ngày: 31/7/2001 là con chung của bà Vũ Lan A và ông Bùi Hữu T. Hiện con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Đương sự tự xác định không có.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280, Điều 264, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Lan A

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Vũ Lan A và ông Bùi Hữu T

1.2. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Tiến H(Nam), sinh ngày: 15/3/1997 – chết năm 2020; Bùi Đức H(Nam), sinh ngày: 31/7/2001 - đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.3.. Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

1.4. Về nợ chung: Đương sự tự xác định không có

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Lan A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0057615 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức). Bà Vũ Lan A đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự TP Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Kim Trang**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**